

Bản án số: 133/2024/HS-ST
Ngày 27-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Ông Phạm Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Văn Đ1), sinh ngày 22/12/1981 tại Hải Phòng; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn B và bà Bùi Thị Đ2 (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt giữ từ ngày 23/12/2023 chuyển tạm giam ngày 02/01/2024; có mặt.

- **Bị hại:** Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng; vắng mặt;

- **Người làm chứng:** Ông Bùi Đình L, ông Đỗ Văn S, ông Đỗ Văn C, đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2006, Nguyễn Văn Đ có quan hệ tình cảm với chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng. Ngày 23/6/2006, Đ có dẫn chị H1 về nhà chơi, ông Bùi Đình V, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng là cậu ruột của Đ có bảo với Đ không nên kết hôn với chị H1 mà đem bán sang Trung Quốc lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Sau đó, Đ lừa rủ H1 sang Trung Quốc chơi để có cơ hội bán H1. Ngày 24/6/2006, ông V đưa cho Đ số tiền 500.000 đồng làm lộ phí đi đường và chở Đ cùng chị H1 ra bắt xe khách đi thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Khi đến thành phố M, Đ đưa chị H1 qua đò sang biên giới đến thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc bán cho vợ chồng có tên N, L1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được số tiền 2.000.000 đồng. Đ mang số tiền trên về nhà đưa cho ông V và được ông V cho 500.000 đồng. Ngày 25/6/2006, ông Đỗ Văn S (bố chị H1), sinh năm 1950, trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng phát hiện Đ lừa bán chị H1 sang Trung Quốc nên đã đưa Đ lên Công an xã Q, huyện A để làm việc. Sau đó người nhà Đ gọi điện cho bà Bùi Thị Đ2 (mẹ đẻ Đ) sinh năm: 1954, đang ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc nhờ tìm và đón chị H1 về. Ngày 29/6/2006, bà Đ2 tìm được chị H1 ở thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Vì lý do an toàn, bà Đ2 gọi điện thông báo cho ông Đỗ Văn C, sinh năm: 1969, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng (thời điểm đó là Trưởng Công an xã Q) nhờ ông C qua biên giới Trung Quốc đón chị H1 giúp gia đình bà Đ2. Ngày 30/6/2006, ông C cùng cậu ruột của Đ là ông Bùi Đình L, sinh năm 1961, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng đến địa phận thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, đi qua C1 thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc gặp bà Đ2 để đón chị H1 rồi đưa chị H1 về Việt Nam bàn giao cho gia đình.

Ngày 28/6/2006, Đ được chuyển lên Công an huyện A làm việc và được tạm giải quyết cho về nhà nhưng đã bỏ trốn vào tỉnh Đồng Nai, gặp ông Dương Đức M, sinh năm: 1958, trú tại: Xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (có họ hàng xa với Đ). Ông M khi biết Đ phạm tội, bị truy nã đã nhận Định làm con nuôi và bảo Đ lấy tên là Dương Đức M1.

Ngày 20/10/2006, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn Đ về tội Mua bán phụ nữ. Ngày 23/12/2023, Nguyễn Văn Đ bị bắt theo Quyết định truy nã tại Ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Quá trình điều tra, xác minh tại UBND xã Q, huyện A, Hải Phòng xác định: Bùi Đình V, sinh năm 1964, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng đã chết vào ngày 22/02/2020 theo trích lục khai tử số 260 ngày 27/12/2023.

Xác minh tại Công an xã C, huyện M' Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định: Dương Đức M, sinh năm: 1958, nguyên quán: Xã V, huyện T, tỉnh Hải Dương chuyển hộ khẩu đến thôn H, xã C, huyện M' Đrăk, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2000. Ông M có thời gian đi làm ở tỉnh Đồng Nai đến khoảng năm 2017 về định cư hẳn tại địa phương. Ông M chết tại nơi cư trú vào ngày 16/9/2021 theo trích lục khai tử số 158 ngày 20/9/2021.

Tại bản cáo trạng số 131/CT-VKS-P2 ngày 06/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Mua bán người" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 9-10 năm tù về tội "Mua bán người".

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị H1 đề nghị bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho chị H1 10 tháng lương cơ sở tương ứng với 18.000.000 đồng nên đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H1 số tiền này.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa và tại Cơ quan điều tra phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Ngày 23/6/2006, tại thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng, Nguyễn

Văn Đ đã bàn bạc với cậu ruột là Bùi Đình V lừa bán chị Đỗ Thị H1 sang Trung Quốc để lấy tiền. Đ được V ứng trước 500.000 đồng làm lộ phí. Khi đưa chị H1 sang thành phố Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Đ đã bán chị H1 cho một cặp vợ chồng có tên N - L1, lấy số tiền 2.000.000 đồng đem về Việt Nam đưa cho Bùi Đình V và được V chia cho 500.000 đồng (Bùi Đình V hiện nay đã chết). Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội Mua bán người theo điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh, điều khoản và khung hình phạt là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội; vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, trừng trị.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt

[7] Căn cứ tính chất vụ án và mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, việc chưa có hậu quả nghiêm trọng nào xảy ra đối chị H1 là do gia đình bị cáo đã tìm được chị H1 và đưa về Việt Nam, mặt khác việc bị cáo bỏ trốn đã gây khó khăn cho quá trình điều tra và một số đối tượng liên quan không bị xử lý theo quy định của pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đủ răn đe, trừng trị đối với bị cáo.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Chị Đỗ Thị H1 yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại tiền tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở tương ứng với 18.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bị cáo về mức bồi thường, nên buộc bị cáo phải bồi thường cho chị H1 18.000.000 đồng.

- Về vấn đề khác

[9] Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án là Bùi Đình V và Dương Đức M, tài liệu điều tra xác định V, M đã chết nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

[9.1] Đối với bà Bùi Thị Đ2, theo Biên bản xác minh tại Công an xã Q, huyện A thể hiện: Trước đây bà Đ2 có sinh sống cùng gia đình tại thôn C, xã Q, huyện A,

Hải Phòng sau đó sang định cư tại Trung Quốc từ rất lâu, hiện không có hộ khẩu tại địa phương. Theo lời khai của Nguyễn Văn Đ và ông Bùi Đình L (em trai bà Đ2) thì bà Bùi Thị Đ2 đã chết tại Trung Quốc từ đầu năm 2023.

[9.2] Đối với cặp vợ chồng ở Trung Quốc có tên N - L1, theo lời khai của Đ đã mua chị H1 với giá 2.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã có Công văn số 2070 ngày 08/5/2024 gửi Cục L2 - Bộ N1 về việc xác minh tương trợ tư pháp thông tin đối tượng, đến nay chưa có kết quả, Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục xác minh làm rõ.

[9.3] Đối với ông Đỗ Văn C và ông Bùi Đình L quá trình xuất cảnh sang Trung Quốc đón chị H1 vào năm 2006 không có giấy tờ theo quy định của Nhà nước về xuất, nhập cảnh (hộ chiếu, visa ...) có dấu hiệu vi phạm hành chính về hành vi xuất, nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Công an thành phố H không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của ông Đỗ Văn C và Bùi Đình L.

[10] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Mua bán người”.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/12/2023.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho bị hại Đỗ Thị H1 số tiền là 18.000.000 (mười tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo

Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 (*chín trăm nghìn*) đồng án phí dân sự.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

